

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số 926/TB-ĐHSP ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHN)

1. DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH XÉT TUYỂN THẲNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025
Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải									Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)									(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Tiếng Anh	
1	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	x					x			x	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đạt giải các năm 2023, 2024, 2025.
2	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205						x	x	x	x	
3	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	x								x	
4	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	x				x				x	
5	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211		x							x	
6	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212			x						x	
7	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213				x					x	
8	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217						x			x	
9	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218							x		x	
10	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219								x	x	
11	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	x	x	x	x					x	
12	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249						x	x	x	x	
13	DDS	Giáo dục Công dân	7140204						x	x	x	x	
14	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248						x	x	x	x	
15	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	x				x				x	
16	DDS	Công nghệ sinh học	7420201	x			x					x	

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải									Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)									(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Tiếng Anh	
17	DDS	Hóa học, gồm các chuyên ngành: 1. Hóa Dược; 2. Hóa phân tích môi trường	7440112	x		x						x	
18	DDS	Công nghệ thông tin	7480201	x				x				x	
19	DDS	Văn học	7229030						x			x	
20	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010							x		x	
21	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501								x	x	
22	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630						x	x	x	x	
23	DDS	Văn hóa học	7229040						x	x	x	x	
24	DDS	Tâm lý học, gồm các chuyên ngành: 1. Tâm lý học trường học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng	7310401	x			x		x			x	
25	DDS	Công tác xã hội	7760101	x					x			x	
26	DDS	Báo chí	7320101						x			x	
27	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	x			x					x	
28	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401	x	x							x	
29	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108	x								x	
30	DDS	Quan hệ công chúng	7320108						x			x	

2. DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH XÉT TUYỂN THĂNG TRĂNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025
Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải											Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											(6)
				Khoa học xã hội và hành vi	Vi sinh	Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin	Sinh học tế bào và phân tử	Hóa sinh	Hóa học	Toán học	Phần mềm hệ thống	Năng lượng (Vật lý)	Khoa học trái đất và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	
1	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	x						x					Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đạt giải các năm 2023, 2024, 2025.
2	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205	x											
3	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	x						x					
4	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	x						x	x				
5	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211	x								x			
6	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212	x				x	x						
7	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213	x	x	x	x	x							
8	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217	x											
9	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218	x											
10	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219	x											
11	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	x	x	x	x	x	x	x		x	x		
12	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	x											
13	DDS	Giáo dục Công dân	7140204	x											
14	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248	x											
15	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	x						x	x				
16	DDS	Công nghệ sinh học	7420201		x	x	x	x	x				x	x	

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải											Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											(6)
				Khoa học xã hội và hành vi	Vi sinh	Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin	Sinh học tế bào và phân tử	Hóa sinh	Hóa học	Toán học	Phần mềm hệ thống	Năng lượng (Vật lý)	Khoa học trái đất và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	
17	DDS	Hóa học, gồm các chuyên ngành: 1. Hóa Dược; 2. Hóa phân tích môi trường	7440112					x	x				x	x	
18	DDS	Công nghệ thông tin	7480201							x	x				
19	DDS	Văn học	7229030	x											
20	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	x											
21	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501	x											
22	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630	x											
23	DDS	Văn hóa học	7229040	x											
24	DDS	Tâm lý học, gồm các chuyên ngành: 1. Tâm lý học trường học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng	7310401	x											
25	DDS	Công tác xã hội	7760101	x											
26	DDS	Báo chí	7320101	x											
27	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101		x	x	x	x					x	x	
28	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401									x			

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải											Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											(6)
				Khoa học xã hội và hành vi	Vi sinh	Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin	Sinh học tế bào và phân tử	Hóa sinh	Hóa học	Toán học	Phần mềm hệ thống	Năng lượng (Vật lý)	Khoa học trái đất và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	
29	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108							x	x				
30	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	x											

3. DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN THĂNG KHÁC TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng xét tuyển thăng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc	Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người	Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo	Thí sinh là người khuyết tật nặng	Thí sinh đoạt giải các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc	Thí sinh đoạt giải các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức	
1	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	x	x	x					Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và thuộc 1 trong các đối tượng sau: - Thí sinh đoạt giải chính thức
2	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205	x	x	x					
3	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	x	x	x					

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng xét tuyển thẳng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc	Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người	Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo	Thí sinh là người khuyết tật nặng	Thí sinh đoạt giải các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc	Thí sinh đoạt giải các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức	
4	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	x	x	x					trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận. Xét giải các năm 2022, 2023, 2024, 2025; - Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thể vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á. Xét giải các năm 2022, 2023,
5	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211	x	x	x					
6	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212	x	x	x					
7	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213	x	x	x					
8	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217	x	x	x					
9	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218	x	x	x					
10	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219	x	x	x					
11	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	x	x	x					
12	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	x	x	x					
13	DDS	Giáo dục Công dân	7140204	x	x	x					
14	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248	x	x	x					
15	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	x	x	x					
16	DDS	Công nghệ sinh học	7420201	x	x	x	x				

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng xét tuyển thẳng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc	Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người	Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo	Thí sinh là người khuyết tật nặng	Thí sinh đoạt giải các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc	Thí sinh đoạt giải các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức	
17	DDS	Hóa học, gồm các chuyên ngành: 1. Hóa Dược; 2. Hóa phân tích môi trường	7440112	x	x	x	x				2024, 2025; - Hội đồng tuyển sinh Trường ĐHSP căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học đối với các thí sinh thuộc các trường hợp sau: + Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường; + Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải
18	DDS	Công nghệ thông tin	7480201	x	x	x	x				
19	DDS	Văn học	7229030	x	x	x	x				
20	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	x	x	x	x				
21	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501	x	x	x	x				
22	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630	x	x	x	x				
23	DDS	Văn hóa học	7229040	x	x	x	x				
24	DDS	Tâm lý học, gồm các chuyên ngành: 1. Tâm lý học trường học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng	7310401	x	x	x	x				

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng xét tuyển thẳng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc	Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người	Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo	Thí sinh là người khuyết tật nặng	Thí sinh đoạt giải các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc	Thí sinh đoạt giải các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức	
25	DDS	Công tác xã hội	7760101	x	x	x	x				đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 (một) năm học trước khi vào học chính thức; + Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức.
26	DDS	Báo chí	7320101	x	x	x	x				
27	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	x	x	x	x				
28	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401	x	x	x	x				
29	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108	x	x	x	x				
30	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	x	x	x	x				
31	DDS	Sư phạm Mỹ thuật	7140222						x		
32	DDS	Sư phạm Âm nhạc	7140221					x			
33	DDS	Giáo dục Thể chất	7140206							x	

**4. DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU
XÉT TUYỂN THĂNG KHÁC TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
CHÍNH QUY NĂM 2025**

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Chỉ tiêu xét tuyển thăng theo quy chế tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	DDS	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	2
2	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	18
3	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205	1
4	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	5
5	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	2
6	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211	1
7	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212	1
8	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213	1
9	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217	5
10	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218	1
11	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219	1
12	DDS	Sư phạm Âm nhạc	7140221	4
13	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	5
14	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	5
15	DDS	Giáo dục Công dân	7140204	2
16	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248	1
17	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	4
18	DDS	Giáo dục Thể chất	7140206	2
19	DDS	Công nghệ sinh học	7420201	3
20	DDS	Hóa học, gồm các chuyên ngành: 1. Hóa Dược; 2. Hóa phân tích môi trường	7440112	3
21	DDS	Công nghệ thông tin	7480201	9
22	DDS	Văn học	7229030	4
23	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	3
24	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501	3
25	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630	6
26	DDS	Văn hóa học	7229040	3
27	DDS	Tâm lý học, gồm các chuyên ngành: 1. Tâm lý học trường học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng	7310401	6
28	DDS	Công tác xã hội	7760101	3
29	DDS	Báo chí	7320101	5
30	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	2
31	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401	2
32	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108	2
33	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	4
Tổng cộng				119